

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-PT

Ngày 28-01-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 168/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 597/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1931. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Thanh L, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Châu Minh M, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Châu Minh M: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1946. Địa chỉ cư trú: 538/17 đường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Chị Châu Thị H, sinh năm 1978. (vắng mặt).

3. Chị Châu Thị G (H), sinh năm 1982. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

2. Bà Phùng Thị O, sinh năm 1944. (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Ông Hà Văn N, sinh năm 1968 (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Bà Hà Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Bà Hà Thị A, sinh năm 1962 (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ: Bà Nguyễn Thị Bé B - Chuyên viên Phòng tài nguyên môi trường huyện Đ (vắng mặt).

7. Ủy ban nhân dân xã L. Địa chỉ trụ sở: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã L: Ông Lê Văn T (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn Đ, nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/9/2020 và các lời khai tiếp theo do ông Hà Thanh L đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn Đ (nguyên đơn) trình bày như sau:

Ông Hà Thanh L là con của ông Hà Văn Đ, ông Đ là con của cụ Hà Văn C (sinh năm 1890 – chết năm 1966), cụ C có 07 người con gồm: Hà Văn T (đã chết), Hà Thị C (đã chết), Hà Thị H2 (đã chết), Hà Văn H3 (đã chết), Hà Văn C1 (đã chết), Hà Thị T (sống) và Hà Văn Đ (cha của ông L). Cụ C tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất (QSDĐ) và phân chia cho các con xong, trong số đất mà ông Đ được cụ C tặng cho thì ông Đ có dành riêng phần đất khoảng 21 cao để làm nghĩa địa thân tộc bao gồm các thửa 123, 165, 162 và 163 tờ bản đồ số 02 xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Hiện nay thửa 162 và 163 có khoảng 60 ngôi mộ của thân tộc. Trong khu này có phần đất diện tích đo đạc 648,9m² thuộc thửa đất số 123 do anh Châu Minh M (cháu ngoại của ông Hà Văn T) đứng tên. Ông Đ là người quản lý phần đất này từ khi được cụ C cho từ năm 1960 đến nay không ai tranh chấp. Do ông Đ không am hiểu pháp luật nên không đi kê khai để xin cấp giấy chứng nhận

(GCN) QSDĐ, nay ông Đ phát hiện thửa đất 123 ông T đã được cấp QSDĐ năm 1997, ông T chết năm 2013, để lại cho con là bà Hà Thị L1 (*sinh năm 1953 – chết năm 2019*) đứng tên GCN QSDĐ ngày 04/11/2013. Bà L1 chết năm 2019, các đồng thừa kế của bà L1 là anh Châu Minh M, chị Châu Thị H, chị Châu Thị G giao cho anh M đứng tên QSDĐ.

Do anh M có ý chuyển nhượng thửa đất 123 cho người khác nên ông Đ đã ngăn chặn, yêu cầu các đồng thừa kế của bà L1 giao lại cho ông Đ thửa đất 123 để làm thổ mộ thân tộc. Vì vậy ông Đ khởi kiện các bị đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết:

- Buộc các đồng thừa kế của bà Hà Thị L1 gồm anh Châu Minh M, chị Châu Thị H, chị Châu Thị G phải trả lại cho ông Đ phần đất có diện tích 648,9m², thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An để ông Đ làm thổ mộ thân tộc. (Căn nhà trên đất của bà L1, ông T thì ông Đ đồng ý bồi thường theo định giá).

- Hủy GCN QSDĐ số BQ 226209 đối với phần đất có diện tích 909m², thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An do bà Hà Thị L1 đứng tên GCN QSDĐ ngày 04/11/2013; Hủy GCN QSDĐ cấp cho ông Hà Văn T ngày 11/4/1997 đối với thửa 123 nêu trên; Hủy GCN QSDĐ cấp cho anh Châu Minh M ngày 15/7/2019 đối với thửa 123 nêu trên.

Bị đơn anh Châu Minh M do ông Nguyễn Văn B đại diện trình bày: Thửa đất 123 tờ bản đồ số 2 xã L diện tích 909m² (chưa đo đạc) là phần đất ở nông thôn có nhà cấp 4 do ông Hà Văn T thừa hưởng của cụ Hà Văn C (ông cố anh M), ông T có cho con trai cả là ông Hà Văn L2 cất nhà ở 1977, ông L2 cùng vợ con cất nhà ở từ năm 1977 đến 1986 thì ông L2 chết. Vợ ông L2 là bà Phùng Thị O bán nhà này cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 với giá 15 chỉ vàng, vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 ở được 02 năm thì ly hôn. Bà H1 bán nhà lại cho ông T vào năm 1989, 1990 và ông T ở chung với mẹ ông M (bà Hà Thị L1) trên đất này đến năm 1993 ông T kê khai và năm 1997 ông T được cấp GCN QSDĐ. Năm 2013 ông T chết thì anh em bà L1 để bà L1 đăng ký đất nhận thừa kế (*có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/10/2013 do Văn Phòng công chứng Tân Mỹ chứng thực*). Năm 2019 bà L1 chết thì anh M nhận thừa kế đất và đăng ký QSDĐ (*Có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/6/2019*). Thửa đất 123 này giáp ranh phần đất thổ mộ của thân tộc họ Hà, anh M không đứng tên phần đất thổ mộ, việc cấp giấy cho ông M là hợp pháp. Do đó anh M không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Châu Thị H và chị Châu Thị G có ý kiến thống nhất lời trình bày của anh Châu Minh M và có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị O trình bày: Bà là dâu của ông Hà Văn T, năm 1977 bà cùng chồng là ông Hà Văn L2 có cất nhà kiên cố ở trên đất của cụ Hà Văn C (ông nội chồng) nay là thửa 123 nêu trên. Năm 1986 chồng bà chết nên bà bán nhà lại cho người em dâu của chồng (vợ người thứ tư) tên Nguyễn Thị H1 với giá là 15 chỉ vàng. Bà H1 trả được 13 chỉ còn

thiếu lại 02 chỉ vàng mấy năm sau mới trả. Vợ chồng bà H1 ở được 2 - 3 năm ly hôn và bán lại nhà cho cha chồng bà là ông T ở đến khi chết. Ông T chết anh em của chồng để bà L1 đứng tên vì bà L1 có công chăm sóc ông T lúc tuổi già, ốm đau. Bà L1 chết thì con bà L1 là Châu Minh M đứng tên nhà đất này. Hiện nay bà xác định không có tranh chấp gì nhà đất này với bất cứ ai và bà xin xét xử vắng mặt.

Các con bà O là anh Hà Văn N, chị Hà Thị L và chị Hà Thị A có ý kiến thống nhất lời trình bày của bà O, không tranh chấp nhà đất thuộc thửa 123 nêu trên và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày xác định: Năm 1986 - 1987 bà có mua lại của bà Phùng Thị O (là chị em bạn dâu) 01 căn nhà mái ngói, vách tường, nền gạch bông giá 15 chỉ vàng, bà trả cho bà O 13 chỉ còn thiếu lại 02 chỉ sau này bà cũng trả xong. Bà ở được 02 đến 03 năm vợ chồng ly hôn, bà ra chợ làm ăn giao nhà lại cho cha chồng là ông T quản lý sử dụng đến khi chết. Bà xác định đất này là đất của thân tộc do ông Đ quản lý làm nghĩa địa nên bà không đăng ký cấp giấy được. Nay bà được biết Châu Minh M đứng tên phần đất có căn nhà nên ông Đ kiện, bà không có ý kiến gì. Bà xác định không tranh chấp nhà đất tại thửa 123 nêu trên.

Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Nguồn gốc thửa đất 123 tờ bản đồ 02 xã L do bà Hà Thị L1 đứng tên QSDĐ năm 2013 là do nhận thừa kế từ ông Hà Văn T. Bà L1 chết nên đến tháng 6/2019 thì anh Châu Minh M kê khai đăng ký do nhận thừa kế từ bà L1. Việc cấp GCN QSDĐ cho bà L1, anh M là đúng quy định. Đối với ông T đăng ký lần đầu vào năm 1997 nên được cấp giấy là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân xã L trình bày: Theo sổ mục kê ruộng đất năm 1998 thì thửa đất 123, tờ bản đồ số 02 xã L có nguồn gốc là do ông Hà Văn T đứng tên. GCN được cấp cho ông T vào năm 1997, năm 2013 ông T chết nên các con ông T có văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế cho bà Hà Thị L1 đứng tên GCN QSDĐ. Năm 2018, bà L1 chết nên các con bà L1 có Văn bản thỏa thuận để Châu Minh M đứng tên GCN QSDĐ. Hiện trạng đất có căn nhà của ông T, ông T chết để bà L1 quản lý. Việc cấp GCN QSDĐ cho ông T, bà L1 và anh M đối với thửa đất số 123 nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ vào Điều 5, 26, 35, 39, 147, 483, 227, 228, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, 235, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn Đ về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” với anh Châu Minh M, chị Châu Thị H và chị Châu Thị G đối với thửa đất 123 tờ bản đồ số 02 xã L, huyện Đ, tỉnh Long An với diện tích 648,9m² loại đất ONT. Giữ nguyên

quyền sử dụng đất cho anh Châu Minh M đứng tên giấy số CS 646687 cấp ngày 15/7/2019.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hà Văn Đ yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 226209 đối với phần đất có diện tích 909m², thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An do bà Hà Thị L1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2013; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hà Văn T ngày 11/4/1997 đối với thửa 123 tờ bản đồ 02 Lộc Giang; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Châu Minh M ngày 15/7/2019 đối với thửa 123 tờ bản đồ 02 Lộc Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 08/10/2020, ông Hà Thanh L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ngày 12/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát tỉnh Long An rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đều thống nhất với các ý kiến đã trình bày ở Tòa án cấp sơ thẩm. Ngoài ra, ông L cũng xác định con ông T là ông Hà Văn L2 đã cất nhà ở trên thửa đất 123 từ khoảng năm 1977.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Long An rút quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Các bên đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất 123 là của cụ C. Từ năm 1977 đến khi tranh chấp bên ông Đ không có sử dụng mà do bên ông T sử dụng. Năm 1997 ông T được cấp GCN QSDĐ thửa 123 diện tích 909m² (thổ); năm 2013 ông T chết, các đồng thừa kế của ông T lập thủ tục cho bà L1 nhận thừa kế thửa đất 123 và bà L1 được cấp GCN QSD năm 2013; năm 2019 bà L1 chết, các đồng thừa kế của bà L1 lập thủ tục cho ông M nhận thừa kế thửa đất 123 và ông M được cấp GCN QSD năm 2019. Theo xác nhận của UBND xã L

và UBND huyện Đ thì việc kê khai cấp QSD cho ông T, việc chuyển quyền cho bà L1, ông M là đảm bảo thủ tục.

Xét thấy, việc sử dụng phần đất này đã hơn 40 năm không ai tranh chấp, ông T được cấp GCN lần đầu năm 1997 là phù hợp với khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 và Điều 236 Bộ luật dân sự về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu. Sau khi ông T, bà L1 chết, việc lập thủ tục thừa kế để chuyển quyền thừa đất này cho bà L1, anh M là đảm bảo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và tiến hành xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng nghị, kháng cáo:

[3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát tỉnh Long An rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Đ theo quy định tại Điều 289, 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn Đ thấy rằng:

[5] Về nguồn gốc thửa đất số 123: Các bên đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất 123 là của cụ Hà Văn C, cụ C là cha của ông Hà Văn T và ông Hà Văn Đ. Bên nguyên đơn cho rằng cụ C tặng cho ông Đ thửa đất 123 để làm thổ mộ thân tộc còn bên bị đơn cho rằng cụ C tặng cho ông T thửa đất này từ trước giải phóng và cả hai bên xác định chỉ cho bằng lời nói, không có giấy tờ.

[6] Về quá trình sử dụng thửa đất 123: Các bên đương sự thống nhất xác định từ năm 1977 vợ chồng ông Hà Văn L2 (con ông T) và bà Phùng Thị O xây nhà tường ở trên thửa đất 123. Theo lời khai của bên bị đơn, những người làm chứng và quá trình xác minh thì sau khi ông L2 chết bà O bán lại nhà cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 (con dâu ông T), sau đó vợ chồng bà H1 ly hôn, bà H1 giao nhà lại cho ông T quản lý, sử dụng từ năm 1989, 1990 cho đến khi ông T chết năm 2013, bà L1 nhận thừa kế quản lý sử dụng cho đến khi chết năm 2019, anh M tiếp tục nhận thừa kế và quản lý sử dụng cho đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định ông T và các con của ông T đã có quá trình quản lý sử dụng thửa đất 123 liên tục từ năm 1977 cho đến nay, bên ông Đ cho rằng đã quản lý sử dụng từ

khi được cụ C tặng cho vào khoảng năm 1960 cho đến nay trong khi lại thừa nhận ông L2 cất nhà ở từ năm 1977 nên lời khai này là không có cơ sở.

[7] Xét thấy, từ việc quản lý sử dụng thửa đất 123 của bên gia đình ông T không ai tranh chấp đã chứng minh được rằng chính ông T chứ không phải ông Đ là người được cụ C tặng cho phần đất này.

[8] Về quá trình kê khai cấp GCN QSDĐ và chuyển QSD thửa đất 123: Theo hồ sơ thể hiện ông T là người kê khai thửa đất 123 và được cấp GCN lần đầu vào năm 1997. Năm 2013 ông T chết, các đồng thừa kế của ông T lập thủ tục cho bà L1 nhận thừa kế thửa đất 123 và bà L1 được cấp GCN QSD năm 2013. Năm 2019 bà L1 chết, các đồng thừa kế của bà L1 lập thủ tục cho anh M nhận thừa kế thửa đất 123 và anh M được cấp GCN QSD năm 2019. Theo xác nhận của UBND xã L và UBND huyện Đ thì việc kê khai cấp QSD cho ông T, việc chuyển quyền cho bà L1, anh M là đảm bảo thủ tục.

[9] Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất, về quá trình sử dụng đất của bên ông T (cụ thể: Con của ông T (vợ chồng ông L2, vợ chồng bà H1) và ông T đã sử dụng phần đất này từ năm 1977 cho đến khi ông T được cấp QSD, họ có lời trình bày thống nhất giao lại cho ông T, không tranh chấp gì với ông T), hồ sơ xét cấp QSDĐ cho ông T, đủ cơ sở xác định việc cấp QSDĐ cho ông T là đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục và việc nhận thừa kế của bà L1, anh M là phù hợp với pháp luật về đất đai và thừa kế theo Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 49, 50, 105, 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 167 Luật đất đai 2013; Điều 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó nguyên đơn yêu cầu hủy các GCN QSDĐ cấp cho ông T, bà L1 và anh M, đồng thời yêu cầu bị đơn giao trả thửa đất 123 để làm thổ mộ là không có cơ sở, bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là căn cứ và đúng pháp luật. Ông Đ được miễn án phí phúc thẩm.

[10] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tuyên bác các yêu cầu khởi kiện cụ thể của ông Đ theo đơn khởi kiện được thể hiện trong phần nội dung của bản án sơ thẩm mà tuyên bác yêu cầu khởi kiện về quan hệ tranh chấp và tuyên giữ nguyên QSDĐ cho anh M khi anh M không khởi kiện là không phù hợp. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đ về cách tuyên án.

Căn cứ vào Điều 5, 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 289, 298, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 49, 50, 105, 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 167 Luật đất đai 2013; Điều 170, 234, 675, 676, 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 221, 223, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (theo Quyết định kháng nghị số 369/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn Đ đối với anh Châu Minh M, chị Châu Thị H và chị Châu Thị G về việc yêu cầu:

- Anh Châu Minh M, chị Châu Thị H, chị Châu Thị G phải trả lại cho ông Hà Văn Đ phần đất có diện tích 648,9m² thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An để ông Đ làm thổ mộ thân tộc.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 226209 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Hà Thị L1 ngày 04/11/2013 đối với phần đất có diện tích 909m², thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hà Văn T ngày 11/4/1997 đối với thửa 123 nêu trên; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 646687 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho anh Châu Minh M ngày 15/7/2019 đối với thửa 123 nêu trên.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Ông Hà Văn Đ phải chịu 21.600.000 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Hà Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc